Nhãn hiệu *(Brand)*: MITSUBISHI Số loại *(Model code)*: PAJERO

Loại xe *(Type)*: Ôtô con Màu sơn *(Color)*: Xám

Số máy *(Engine N⁰)*: 6G72QY7206

Số khung *(Chassis N⁰)*: RLA00V33V31000779

Công suất *(Horsepower)*: Dung tích *(Capacity)*: 2972

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: 2004 Tự trọng *(Empty weight)*: 1955

Tải trọng *(Loading capacity)*: Hàng hoá *(Goods)*: kg;

Số chỗ *(Seat capacity)*: Ngồi *(Sit)*: 07 Đứng *(Stand)*: Nằm *(Lie)*:

Trọng lượng kéo theo *(Towed weight)*: kg; Kích thước bao *(Overall dimension)*:

Dài *(Length)*: 4[illegible] m; Rộng *(Width)*: 1695 m; Cao *(Height)*: 1955 m

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm

Valid until date

Hà Nội, ngày *(date)* 11 tháng 3 năm 2011

CỤC TRƯỞNG

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

08/04/2004

ĐẶT TA: Nguyễn Hữu Đánh

Nhãn hiệu *(Brand)*: MITSUBISHI Số loại *(Model code)*: PAJERO

Loại xe *(Type)*: Ôtô con Màu sơn *(Color)*: Xám

Số máy *(Engine N⁰)*: 6G72QY7206

Số khung *(Chassis N⁰)*: RLA00V33V31000779

Công suất *(Horsepower)*: Dung tích *(Capacity)*: 2972

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: 2004 Tự trọng *(Empty weight)*: 1955

Tải trọng *(Loading capacity)*: Hàng hoá *(Goods)*: kg;

Số chỗ *(Seat capacity)*: Ngồi *(Sit)*: 07 Đứng *(Stand)*: Nằm *(Lie)*:

Trọng lượng kéo theo *(Towed weight)*: kg; Kích thước bao *(Overall dimension)*:

Dài *(Length)*: 4755 m; Rộng *(Width)*: 1695 m; Cao *(Height)*: 1955 m

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm

Valid until date

Hà Nội, ngày *(date)* 11 tháng 3 năm 2011

CỤC TRƯỞNG

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

08/04/2004

ĐHTA Nguyễn Hữu Đính

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: KD 7101838

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **80B-3098** *(Registration Number)*

Số quản lý: 2905V-008742 *(Vehicle Inspection No.)*

Loại phương tiện: *(Type)* ô tô con

Nhãn hiệu: *(Mark)* TOYOTA

Số loại: *(Model code)* camry- 2.4G acv30l-jemnku

Số máy: *(Engine Number)* 2AZ1196944

Số khung: *(Chassis Number)* ACV308001875

Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam *(Manufactured Year and Country)*

Niên hạn SD: *(Lifetime limit to)*

Kinh doanh vận tải *(Commercial Use* [-] Cải tạo *(Modification)* [-]

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 4x2 *(Wheel Formula)* Vết bánh xe: 1545/1535 (mm) *(Wheel Tread)*

Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 4825 x 1810 x 1505 (mm)

Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* (mm)

Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 2720 (mm)

Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 1,400 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized pay load)*

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1930/1930 (kg) *(Design/Authorized total mass)*

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized towed mass)*

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm *(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)*

Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 2362 (cm3)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 103(kW)/5200vph

923971356838

Số sê-ri: *(No.)* **KD-7101838**

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*

1: 2; 205/65R15

2: 2; 205/65R15

TP. HCM, ngày 7 tháng 10 năm 2021 *(Issued on: Day/Month/Year)*

Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)* 5015D-23990/21

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH *(INSPECTION CENTER)*

Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **06/04/2022**

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI 50-15D - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LÂM HÀ TRÚC

KS Nguyễn Trọng Vĩnh

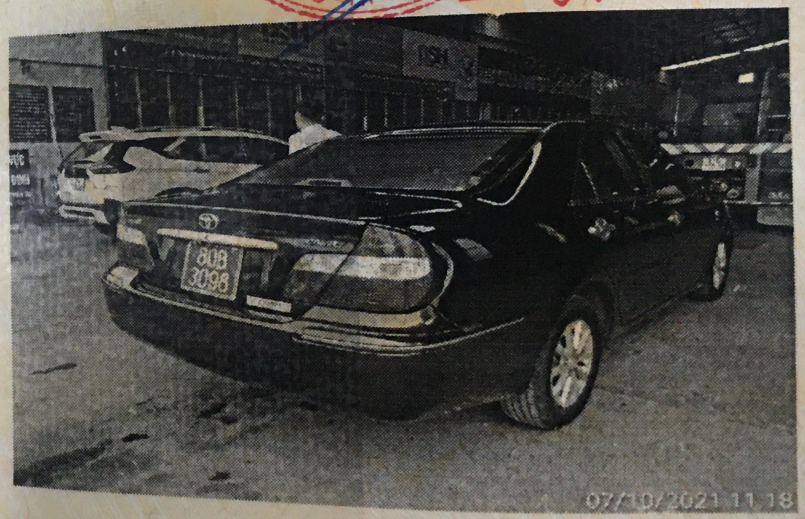

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* [-]

Có lắp camera *(Equipped with camera)* [-]

Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* [-]

Ghi chú:

BỘ CÔNG AN
Cục CSGT ĐB-ĐS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0001751

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Họ tên chủ xe: UỶ BAN DÂN TỘC
Nơi ĐKNK thường trú: 80-82 Phan Đình Phùng-Hà Nội
CMND số: *cấp ngày*
Nhãn hiệu: TOYOTA *Số loại:* CAMRY2.4 *Loại xe* Ôtô con
Màu sơn: Đen *Số máy:* 2AZ1196944 *Số khung* V3080018 75
Tự trọng: 1400 *kg. Tải trọng: - Hàng hoá:* *kg*
- Số chỗ ngồi: 05 *(cả lái phụ)*

Hà Nội, ngày 20 *tháng* 08 *năm* 2003

Biển số: **Cục trưởng**

80B-3098

Đăng ký lần đầu
ngày: 20/08/2003

Thượng tá

MẪU 01ĐB
BH theo QĐ số 1093/QĐ-BCA(C11)
Ngày 06 - 12 - 2000

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý!

1- Phải nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông.

2- Khi mua, bán, cho, tặng, di chuyển xe, phải làm thủ tục sang tên, di chuyển.

3- Phải khai báo cơ quan CSGT nơi đăng ký xe những trường hợp dưới đây:

- Thay đổi toàn bộ màu sơn xe.
- Vẽ, dán quảng cáo trên xe.
- Thay đổi tổng thành máy, khung xe.
- Xe hỏng, nát không lưu hành.
- Thay đổi hệ thống lái, phanh, hệ thống treo, hệ thống truyền động.
- Xe bị mất.
- Mất biển số.
- Mất đăng ký.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: KD 4850970

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **80B-6508** Số quản lý: 2903V-017052
(Registration Number) *(Vehicle Inspection No.)*

Loại phương tiện: *(Type)* ô tô con

Nhãn hiệu: *(Mark)* TOYOTA

Số loại: *(Model code)* CAMRY 3.0V MCV30L-JEPEKU

Số máy: *(Engine Number)* 1MZ1498740

Số khung: *(Chassis Number)* MCV309000287

Năm, Nước sản xuất: 2002, Việt Nam Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*

Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1550/1535 (mm)
(Wheel Formula) *(Wheel Tread)*

Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 4825 x 1810 x 1515 (mm)

Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* (mm)

Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 2720 (mm)

Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 1505 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 2995 (cm3)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 134(kW)/5300vph

Số sê-ri: *(No.)* **KD-5614933** 466624323828

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 215/60R16
2: 2; 215/60R16

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2021
(Issued on: Day/Month/Year)

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)
2903V-12415/21

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày
(Valid until) **01/10/2021**

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Trung Liêm

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -

Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued)* -

Ghi chú:

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **80A-001.46** Số quản lý: 2905V-010406
(Registration Number) *(Vehicle Inspection No.)*

Loại phương tiện: *(Type)* ô tô con
Nhãn hiệu: *(Mark)* MITSUBISHI
Số loại: *(Model code)* PAJERO GLV6-V33VH
Số máy: *(Engine Number)* 6G72QY7206
Số khung: *(Chassis Number)* RLA00V33V31000779
Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1420/1435 (mm)
(Wheel Formula) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 4755 x 1695 x 1955 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)*2725 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 1955 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2500/2500 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Xăng
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 2972 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 109(kW)/5000vph
Số sê-ri: *(No.)* **KD-4850970** 9799922538

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 205R16
2: 2; 205R16

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)
5003S-33645/20
Có hiệu lực đến hết ngày
(Valid until) **08/05/2021**

TP. HCM, ngày 9 tháng 11 năm 2020
(Issued on: Day/Month/Year)
ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)

P. Giám Đốc
Trương Hoàng Tuấn

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* -
Ghi chú: Biển đăng ký nền xanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

BỘ CÔNG AN

MINISTRY OF PUBLIC SECURITY

CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ - ĐƯỜNG SẮT

RAILWAY AND ROAD TRAFFIC POLICE DEPARTMENT

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số *(Number)*: 0002680

Mẫu 01B-ĐB BH theo QĐ
số 753/2005/QĐ-BCA(C11) ngày 15/6/2005 của BCA

Tên chủ xe *(Owner's full name)*:
VĂN PHÒNG UỶ BAN DÂN TỘC

Số máy *(Engine N⁰)*: **1MZ1498740**

Địa chỉ *(Address)*:
80+82 Phan Đình Phùng-Hà Nội

Số khung *(Chassis N⁰)*: **MCV309000287**

Nhãn hiệu *(Brand)*: TOYOTA

Tên động cơ *(B. of E.)*:

Loại xe *(Type)*: Ôtô con

Dung tích *(Capacity)*: 2995

Màu sơn *(Color)*: Xanh

Công suất *(Horsepower)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)* 2002

Tự trọng *(Empty weight)*: 1505

Kích thước bao:-Dài*(Length)*: m;Rộng*(Width)*: m;Cao*(Height)*: m
Overall dimension

Tải trọng: Số chỗ ngồi*(Sit)*: 05 đứng*(Stand)*: nằm*(Lie)*: Hàng hoá: kg
Gross weight: Seat capacity *Goods:*

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm
Valid until date

Biển số đăng ký
(N⁰Plate)
80B-6508

Hà nội, ngày *(date)* 19 tháng 09 năm 2008

Cục trưởng

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration
10/01/2003

Trần Sơn Hà

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: KD 5614933

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **80B-6508** Số quản lý: 2903V-017052
(Registration Number) *(Vehicle Inspection No.)*

Loại phương tiện: *(Type)* ô tô con

Nhãn hiệu: *(Mark)* TOYOTA

Số loại: *(Model code)* CAMRY 3.0V MCV30L-JEPEKU

Số máy: *(Engine Number)* 1MZ1498740

Số khung: *(Chassis Number)* MCV309000287

Năm, Nước sản xuất: 2002, Việt Nam Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) *(Lifetime limit to)*

Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* - Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1550/1535 (mm)
(Wheel Formula) *(Wheel Tread)*

Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 4825 x 1810 x 1515 (mm)

Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* (mm)

Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 2720 (mm)

Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 1505 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 2995 (cm3)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 134(kW)/5300vph

Số sê-ri: *(No.)* **KD-5614933** 466624323828

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; 215/60R16
2: 2; 215/60R16

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2021
(Issued on: Day/Month/Year)

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)
2903V-12415/21

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)

Có hiệu lực đến hết ngày
(Valid until) **01/10/2021**

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Trung Liêm

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -

Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued)* -

Ghi chú:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Mẫu số 10
BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11
Ngày 11/3/2009 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN
Ministry of Public Security

CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ - ĐƯỜNG SẮT
Railway and Road Traffic Police Department

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
CAR REGISTRATION CERTIFICATE

Số *(Number)*: 001906

Tên chủ xe *(Owner's full name)*:
VĂN PHÒNG UỶ BAN DÂN TỘC

Địa chỉ *(Address)*:
80 Phan Đình Phùng-Q.Ba Đình-TP.Hà Nội

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N⁰/Passport)*:

Biển số đăng ký *(N⁰ Plate)*: 80A-001.46